

Bản án số: 176/2019/DS-ST

Ngày : 28- 6- 2019

V/v: Tranh chấp “ Hợp đồng góp hui”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông **Trần Văn Nhơn**.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Bà Phan Thị Quý**.
Ông **Nguyễn Đức Duy**.
- *Thư ký phiên toà:* Ông **Nguyễn Thành Phục** –Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Lương Thị Trà My** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2019/TLST-DS ngày 31/01/2019, về tranh chấp “Hợp đồng góp hui”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2019/QĐST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị B**, sinh năm 1950. Địa chỉ: ấp LHB, xã PL, huyện TP, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà **Lê Thị P**, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Ông **Đặng Văn T**, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T1, xã LĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- *Người làm chứng:*

1. Bà **Nguyễn Thị A**, sinh năm 1955. Địa chỉ: ấp K2A, xã PL, huyện TP, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

2. Chị **Nguyễn Thị Trúc P**, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp LHB, xã LĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

3. Bà Hứa Mỹ Q, sinh năm 1958. Địa chỉ: ấp K2A, xã PL, huyện TP, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

4. Chị Trần Thị L, sinh năm 1979. Địa chỉ: ấp LHB, xã PL, huyện TP, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

5. Bà Lê Thị H, sinh năm 1963. Địa chỉ: ấp LHB, xã LD, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 03 tháng 12 năm 2018 nguyên đơn bà Trần Thị B trình bày:

Bà có tham gia nhiều dây hội do bà P, ông T làm chủ, cụ thể:

+ Dây hội 3.000.000đồng, 03 tháng khai một lần, khởi khai ngày 20/01/2013, hội có 27 phần, bà tham gia 01 phần, bà đóng được 13 kỳ thì bể hội, trung bình mỗi kỳ là 1.800.000đồng, như vậy dây hội này bà đã đóng được số tiền là 23.400.000đồng.

+ Dây hội 3.000.000đồng, 03 tháng khai một lần, khởi khai ngày 20/01/2013, hội có 25 phần, bà tham gia 01 phần, bà đóng được 12 kỳ thì bể hội, trung bình mỗi kỳ là 1.800.000đồng. Như vậy dây hội này bà đã đóng được số tiền là 21.600.000đồng.

+ Dây hội 3.000.000đồng, 03 tháng khai một lần, khởi khai ngày 05/01/2011, hội có 28 phần, bà tham gia 02 phần, bà đóng được 20 kỳ thì bể hội, trung bình mỗi kỳ là 3.600.000đồng cho hai phần hội. Như vậy dây hội này bà đã đóng được số tiền là 72.000.000đồng.

+ Dây hội 3.000.000đồng, 03 tháng khai một lần, khởi khai ngày 15/8/2013, hội có 25 phần, bà tham gia 01 phần, bà đóng được 12 kỳ thì bể hội, trung bình mỗi kỳ là 1.800.000đồng. Như vậy dây hội này bà đã đóng được số tiền là 21.600.000đồng.

+ Dây hội 5.000.000đồng, 03 tháng khai một lần, khởi khai ngày 15/02/2014, hội có 15 phần, bà tham gia 02 phần, bà đóng được 09 kỳ thì bể hội, trung bình mỗi kỳ là 7.000.000đồng cho cả hai phần hội. Như vậy dây hội này bà đã đóng được số tiền là 63.000.000đồng.

+ Dây hội 3.000.000đồng, 03 tháng khai một lần, khởi khai ngày 20/01/2013, hội có 24 phần, bà tham gia 01 phần, bà đóng được 13 kỳ thì bể hội, trung bình mỗi kỳ là 1.800.000đồng. Như vậy dây hội này bà đã đóng được số tiền là 23.400.000đồng.

+ Dây hội 1.000.000đồng, khởi khai ngày 05/4/2015, hội có 28 phần, bà tham gia 02 phần, bà đóng được 08 kỳ thì bể hội, trung bình mỗi kỳ là 1.400.000đồng. Như vậy dây hội này bà đã đóng được số tiền là

11.200.000đồng.

Tổng cộng 07 dây hụi bà P, ông T còn nợ bà 257.800.000đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, bà B thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, bà chỉ yêu cầu bà P, ông T liên đới trả cho bà số tiền vốn gốc đã đóng của các dây hụi:

+ Dây hụi 3.000.000đồng/tháng, 03 tháng khui một lần, khởi khui ngày 20/01/2013, hụi có 25 phần, bà tham gia 01 phần, bà đóng được 12 kỳ thì bể hụi, trung bình mỗi kỳ là 1.800.000đồng. Như vậy dây hụi này bà đã đóng được số tiền là 21.600.000đồng.

+ Dây hụi 3.000.000đồng/tháng, 03 tháng khui một lần, khởi khui ngày 05/01/2011, hụi có 28 phần, bà tham gia 01 phần, bà đóng được 20 kỳ thì bể hụi, trung bình mỗi kỳ là 1.800.000đồng. Như vậy dây hụi này bà đã đóng được số tiền là 36.000.000đồng.

+ Dây hụi 3.000.000đồng/tháng, 03 tháng khui một lần, khởi khui ngày 15/8/2013, hụi có 25 phần, bà tham gia 01 phần, bà đóng được 12 kỳ thì bể hụi, trung bình mỗi kỳ là 1.800.000đồng. Như vậy dây hụi này bà đã đóng được số tiền là 21.600.000đồng.

+ Dây hụi 5.000.000đồng/tháng, 03 tháng khui một lần, khởi khui ngày 15/02/2014, hụi có 15 phần, bà tham gia 01 phần, bà đóng được 09 kỳ thì bể hụi, trung bình mỗi kỳ là 3.500.000đồng cho cả hai phần hụi. Như vậy dây hụi này bà đã đóng được số tiền là 31.500.000đồng.

+ Dây hụi 1.000.000đồng/tháng, khởi khui ngày 05/4/2015, hụi có 28 phần, bà tham gia 02 phần, bà đóng được 08 kỳ thì bể hụi, trung bình mỗi kỳ là 1.400.000đồng. Như vậy dây hụi này bà đã đóng được số tiền là 11.200.000đồng.

Như vậy, tổng cộng 05 dây hụi bà đóng được số tiền 121.900.000đồng. Nay bà yêu cầu bà Lê Thị P và ông Đặng Văn T trả cho bà số tiền là 121.900.000đồng, yêu cầu thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

* Tại biên bản lấy lời khai của Tòa án ngày 15 tháng 3 năm 2019, bị đơn bà Lê Thị P trình bày: Bà Trần Thị B có tham gia nhiều dây hụi do bà làm chủ, trong giấy hụi ghi là 5 Tăng, giấy ghi hụi do bà viết rồi photô giao cho hụi viên, bà giữ bản chính, hiện nay do việc chơi hụi đã lâu, bản chính giấy ghi hụi không còn nên bà không nhớ rõ các dây hụi mà bà B đã tham gia. Sau khi bể hụi bà và bà B đã tổng kết hụi, theo đó bà chỉ còn nợ bà B 50.000.000đ, sau đó bà đã trả cho bà B nhiều lần với số tiền 21.000.000đ, bà chỉ còn nợ lại bà B 29.000.000đồng. Nay khi nào các hụi viên trả tiền cho bà thì bà sẽ trả cho bà B. Việc tổ chức hụi chỉ một mình bà làm chủ chứ ông T chồng bà không biết gì.

* Người làm chứng bà Lê Thị H trình bày: Bà biết bà Trần Thị B không

có tham gia dây hụi 3.000.000đ, 03 tháng khui một lần, khởi khui ngày 20/01/2013 vì trong giấy ghi hụi không có tên của bà B.

* Người làm chứng chị Trần Thị L trình bày: Chị biết bà Trần Thị B có tham gia dây hụi 3.000.000đ, 03 tháng khui một lần, khởi khui ngày 15/8/2013 và dây hụi 1.000.000đ/tháng, có 28 phần, khui ngày 05/4/2015 vì trong giấy ghi hụi có tên của bà B. Bà B chưa hốt hụi, do lâu quá nên bà không nhớ rõ ai là người hốt hụi cuối cùng.

* Người làm chứng bà Hứa Mỹ Q trình bày: Bà biết bà Trần Thị B có tham gia dây hụi 3.000.000đ, 03 tháng khui một lần, khởi khui ngày 20/01/2013, hụi có 25 phần và dây hụi 5.000.000đ/tháng, có 15 phần, khui ngày 15/02/2014 vì trong giấy ghi hụi có tên của bà B. Bà B chưa hốt hụi.

* Người làm chứng bà Nguyễn Thị A trình bày: Bà biết bà Trần Thị B có tham gia dây hụi 3.000.000đ, 03 tháng khui một lần, khởi khui ngày 20/01/2013, hụi có 24 phần, vì trong giấy ghi hụi có tên của bà B. Bà B tham gia 01 phần và chưa hốt hụi.

* Người làm chứng chị Nguyễn Thị Trúc P trình bày: Chị biết bà Trần Thị B có tham gia dây hụi 3.000.000đ, 03 tháng khui một lần, khởi khui ngày 05/01/2011, hụi có 28 phần, vì trong giấy ghi hụi có tên của bà B. Bà B chưa hốt hụi.

* Bị đơn ông T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không tham gia hòa giải, cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị B.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với đương sự thì nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đối với bị đơn là ông Đặng Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham dự phiên tòa mà vẫn vắng mặt không lý do, căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử xác định là tranh chấp “Hợp đồng góp hội” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy:

Bà Lê Thị P thừa nhận bà Trần Thị B có tham gia nhiều dây hội do bà làm chủ, trong giấy ghi hội đề tên là “5 Tăng”, giấy hội do bà viết rồi phô tô giao cho các hội viên, bản chính do bà giữ. Khi khởi kiện bà Trần Thị B cung cấp cho Tòa án bản phô tô các giấy ghi hội có tên là “5 Tăng” điều này phù hợp với lời khai nhận của bà P. Ngoài ra các nhân chứng đều thể hiện bà B có tham gia các dây hội mà bà khởi kiện. Tất cả các dây hội mà bà B tham gia đều đã bể, vì vậy nay bà B khởi kiện yêu cầu bà P, ông T trả số tiền vốn đã đóng của các dây hội với tổng số tiền là 121.900.000đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bà P thừa nhận bà B có tham gia nhiều dây hội nhưng sau khi bể hội bà và bà B đã kết lại nợ, theo đó bà chỉ còn nợ bà B 50.000.000đồng, bà đã trả cho bà B nhiều lần với số tiền là 21.000.000đồng, chỉ còn nợ 29.000.000đ, xét thấy bà P không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh đã tổng kết nợ và đã trả cho bà B 21.000.000đồng, lời trình bày của bà P không được bà B chấp nhận nên Hội đồng xét xử không chấp nhận lời trình bày này của bà P.

Bà P cho rằng việc tổ chức các dây hội do một mình bà làm chủ ông Thanh chồng bà không biết, cũng không có liên quan đến việc này, xét thấy lời trình bày của bà P là không có cơ sở, bởi lẽ trong giấy ghi hội mà bà P giao cho các hội viên đều có ghi tên chủ hội là Lê Thị P, Đặng Văn T, theo nguyên đơn thì ông T cũng là người đứng ra gom hội, tổ chức khai hội, vì vậy Hội đồng xét xử cần buộc ông T có trách nhiệm liên đới cùng bà P trả cho bà B số tiền 121.900.000đồng.

[4] Về án phí: Bà Lê Thị P và ông Đặng Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 471, Điều 357 Bộ luật dân sự 2015;
- Căn cứ cáo các Điều 27, Điều 29 Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, họ, biểu, phường;
- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị B.

Buộc bà Lê Thị P và ông Đặng Văn T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Thị B số tiền là 121.900.000đ (Một trăm hai mươi một triệu chín trăm ngàn đồng), thực hiện ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Bà Trần Thị B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Lê Thị P và ông Đặng Văn T chậm thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền do các bên không có thỏa thuận nên thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Bà Lê Thị P và ông Đặng Văn T phải chịu 6.095.000đ
- Hoàn lại cho bà Trần Thị B 6.445.000 tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009317 ngày 28/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

3. Bà Trần Thị B có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Lê Thị P và ông Đặng Văn T có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận th hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Trần Văn Nhơn